TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **274**/2025/QĐST-HNGĐ	*Tuyên Quang, ngày 06 tháng 11 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án thụ lý số: 254/2025/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2025, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị **Phan T**, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Tổ dân phố K, phường M, tỉnh Tuyên Quang.

- *Bị đơn:* Anh **Bùi H**, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Tổ dân phố K, phường M, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào các Điều 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 10 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 10 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Phan T và anh Bùi H. *(Giấy chứng nhận kết hôn số 160/2010, quyển số 08/2009 ngày 23/9/2010 của Ủy ban nhân dân xã K, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang, nay là phường M, tỉnh Tuyên Quang)*.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao con chung là cháu Bùi H1, sinh ngày 28/5/2011 cho anh Bùi H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao con chung là cháu Bùi H2, sinh ngày 04/9/2015 cho chị Phan T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Phan T và anh Bùi H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Các đương sự đều xác định không có tài sản chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Các đương sự đều xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Phan T tự nguyện nộp 150.000 đ *(một trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đ *(ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001035 ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang, trả lại cho chị Phan T số tiền 150.000đ *(một trăm năm mươi nghìn đồng)*.

Anh Bùi H không phải nộp án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND Khu vực 1 - Tuyên Quang (02 bản);
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- UBND phường M;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu TAND khu vực 1 – Tuyên Quang.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Hương Giang